

Bản án số: 74 /2022/HS-ST

Ngày 13 - 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Đăng Thiện
Ông Nguyễn Văn Sâm
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2022/TLST - HS ngày 27
tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST -
HS ngày 17/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến D; Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1998 tại xã Đông Anh(nay là
Đông Kh), huyện Đ, tỉnh T; Nơi cư trú: thôn V, xã Đông Kh, huyện Đ, tỉnh T;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới
tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy D,
sinh năm 1973 và bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1973; Gia đình có 03 anh em, bị
cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1998; Có 01 con, sinh
năm ; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến
ngày 25/6/2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Lò Văn S; sinh ngày 22/12/1991 tại xã L, huyện Th, tỉnh T; Nơi ở hiện nay:
thôn Cao Tiến, xã L, huyện Th, T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn
hóa: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt
Nam; Con ông: Lò Văn Hậu, sinh năm 1955 và bà Lương Thị H, sinh năm 1959;
Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 5; Vợ, con: chưa có; Tiền án; Tiền sự:
Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Bùi Văn H; sinh ngày 23/6/1985 tại xã D, huyện Tr, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: thôn 6, xã D, huyện Tr, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn L, sinh năm 1957 và bà Bùi Thị Xuân, sinh năm 1960; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Vi Thị H, sinh năm 1992 con: có 02 con, con lớn sinh năm: 2014, con nhỏ sinh năm 2018 ; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/6/2022 Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh T và Đội cảnh sát kinh tế Công an huyện T đang làm nhiệm vụ trên địa bàn thị trấn S, huyện T thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân cung cấp thông tin có 02 đối tượng là nam giới đang có hành vi chế tạo trái phép vật liệu nổ để sử dụng nổ mìn tại bãi đá thuộc công ty cổ phần nhà máy gạch Á Mỹ thuộc địa chỉ khu phố 9, thị trấn sao vàng, huyện T tỉnh T.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường tại bãi đá phát hiện :

- 01 chậu nhựa màu xanh bên trong có một ca nhựa màu đỏ, một chậu nhựa màu đỏ và 06kg các tinh thể màu trắng đục, ẩm và có mùi dầu (nghi là thuốc nổ đã pha chế).
- 08 vật có hình trụ có gắn dây điện màu đỏ và màu vàng (nghi là kíp nổ điện)
- 05 cuộn dây dẫn điện màu đen
- 01 vỏ bao bì màu trắng ghi chữ AMONIUM NITRATE
- 02 bì màu trắng còn nguyên vẹn chưa bóc bên trên có ghi chữ AMONIUM NITRATE ghi trọng lượng 40,4kg (cả bì) bên trong nghi chứa tiền chất thuốc nổ.
- Hiện trường còn thấy 07 lỗ khoan có đường kính 10 cm, độ sâu đo được 10m (trong đó có 03 lỗ khoan, bên trong có túi ni lon màu đen dạng hình ống đã được nhồi chất nghi là thuốc nổ), 04 lỗ khoan còn lại chưa nhồi thuốc nổ. Tiến hành thu thuốc nổ trong 03 lỗ khoan được 10kg các chất tinh thể màu trắng đục có mùi dầu (nghi là thuốc nổ), lẫn đất đá kèm theo 06 vật nghi là kíp nổ điện cùng trong 03 lỗ khoan.

Tại Kết luận giám định số 3966/KL-KTHS Ngày 21/6/202 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Mẫu vật gửi giám định có khối lượng 06kg là thuốc nổ công nghiệp ANFO được dùng trong khai khoáng, mở đường.
- 05 cuộn dây dẫn điện màu đen là dây dẫn điện dùng để kích nổ kíp nổ.
- Các hạt hình cầu màu trắng đục có lẫn tạp chất (đất đá) gồm có thuốc nổ công nghiệp ANFO và đất đá. Khối lượng thuốc nổ là 09kg .
- 08 vật hình trụ tròn và 06 vật hình trụ tròn đều 08 vật hình trụ tròn vỏ bằng kim loại màu trắng đều là kíp nổ điện vỏ bằng nhôm. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ.
- Các hạt hình cầu màu trắng đựng trong 02 bao tải dứa đều là tiền chất thuốc nổ (nguyên liệu để sản xuất thuốc nổ). Tổng khối lượng là 80,8kg .

Ngày 18/6/2022, Nguyễn Tiến D làm đơn xin đầu thú và khai nhận về việc chỉ đạo Lò Văn S, Bùi Văn H chế tạo trái phép số thuốc nổ thu giữ trên để sử dụng vào khai thác đất đá.

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng D Đức được thành lập vào tháng 11/2010, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Duy Dũng, sinh năm 1973; trú tại thôn Viên Khê 2, xã Đông Kh, huyện Đ, tỉnh T; trong đó có ngành nghề kinh doanh khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

Ngày 03/01/2022, Công ty D Đức và Công ty Cổ phần Á Mỹ, Thọ Xuân ký hợp đồng giao khoán khai thác đất đá tH.Theo đó, Công ty D Đức được khai thác đất, đá tH làm vật liệu san lấp và hoàn trả lại mặt bằng cho Nhà máy gạch thuộc Công ty Cổ phần Á Mỹ T.

Sau khi ký hợp đồng khai thác đất đá tH, ông Nguyễn Duy Dũng đã giao lại toàn quyền cho con trai của mình là Nguyễn Tiến D, sinh năm 1998 trong việc khai thác (bao gồm quản lý, thuê nhân công và khai thác). Khi thực hiện công việc khai thác đất, đá thì D đã thuê Trần Văn H, sinh năm 1986; trú tại thôn 6, xã P, huyện N, tỉnh N và Lò Văn S, sinh năm 1991, trú tại thôn Cao Tiến, xã L, huyện Th, tỉnh T thực hiện việc khai thác đất, đá. Bùi Văn H, sinh năm 1985, trú tại thôn 6, xã D, huyện Tr, tỉnh T thực hiện việc lái máy xúc.

Việc khai thác đất đá, ban đầu H và S dùng máy khoan và bột nổ để khai thác đá. Trong thời điểm tháng 02/2022, do thấy sử dụng bột nổ không hiệu quả nên D có hỏi H phương pháp khai thác đá hiệu quả hơn. Do H đã làm ở nhiều mỏ đá nên biết pha trộn tiền chất thuốc nổ (tức là phân đạm) với dầu Diezen tạo thành thuốc nổ để sử dụng phá đá sẽ hiệu quả hơn; H cũng trao đổi luôn về việc sẽ mua tiền chất thuốc nổ, kíp nổ cho D với giá rẻ và trực tiếp thực hiện việc chế tạo, sử dụng thuốc nổ. Mặc dù biết Công ty D Đức không được phép sử dụng vật liệu nổ nhưng do muốn tăng năng suất khai thác nên D đồng ý để H thực hiện việc chế tạo, sử dụng vật liệu nổ; đồng thời chỉ đạo S thực hiện việc khoan 03 lỗ.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện do không liên hệ mua được tiền chất thuốc nổ, kíp nổ nên H sử dụng bột nổ để phá đá; H báo lại với D không thu được đất đá nên D không đến kiểm tra mà chỉ đạo H tiếp tục làm như bình thường. Tuy nhiên, sau một hai hôm H xin nghỉ làm và cho D số điện thoại của Hiếu để D liên hệ mua tiền chất thuốc nổ và kíp nổ; đồng thời nói cho S biết cách chế tạo, sử dụng vật liệu nổ.

Đến tháng 5/2022 (không nhớ rõ ngày), D liên hệ được với Hiếu và đặt mua 03 bì tiền chất thuốc nổ và kíp nổ với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng). Sau đó, Hiếu chở 03 bì tiền chất thuốc nổ (loại khoảng 20kg/1bì) và 02 bó kíp nổ đến gần chợ xã Đông Kh, huyện Đ giao cho D và D thanh toán đủ số tiền trên (thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt) cho Hiếu. Sau khi nhận tiền chất thuốc nổ và kíp nổ, D mang lên bãi đất trống gần khu vực khai thác cất giấu. Đồng thời, chỉ đạo S thực hiện việc khoan để chế tạo, sử dụng vật liệu nổ như trước đây H đã nói. S đồng ý và khoan 03 lỗ khoan. Sau đó, D lấy 03 bì tiền chất thuốc nổ và 01 bó kíp nổ (gồm 06 cái kíp) giao cho S. Còn 01 bó kíp nổ (gồm 14 cái kíp) D cất giấu tại khu vực đất trống gần khu vực khai thác để sử dụng vào lần sau. Sau đó một mình S thực hiện việc chế tạo, sử dụng vật liệu nổ thành công và báo kết quả để D cho xe lên chở đất, đá.

Đến đầu tháng 6/2022, D tiếp tục đặt mua của Hiếu 03 bì tiền chất thuốc nổ với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) và chỉ đạo S thực hiện việc khoan đá chuẩn bị chế tạo, sử dụng vật liệu nổ. Ngày 15/6/2022, Hiếu cho người chở đến gần chợ Đông Kh, huyện Đ giao cho D 03 bì tiền chất thuốc nổ (loại 40kg/1bì), D đã thanh toán bằng tiền mặt. Sau đó D mang tiền chất thuốc nổ lên khu mỏ giao cho Bùi Văn H và chỉ đạo H giúp S trong quá trình chế tạo, sử dụng vật liệu nổ. Tại đây, do bì tiền chất thuốc nổ quá nặng nên H đã nhờ Bùi Văn H, sinh năm 1990, trú tại thôn Đồng Phong, xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá – lái xe của Công ty D Đức cùng với H mang vào để trong lán để cất. Đến ngày 16/6/2022, trên đường chở Trịnh Phương Chi, sinh năm 2000, trú tại thôn 2, xã Đồng Minh, huyện Đ, tỉnh T từ sân bay T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá về nhà, D có ghé qua vị trí cất giấu kíp nổ nêu trên lấy 14 kíp nổ và giao cho H; sau đó, H mang cất số kíp D đưa giấu vào lán cùng với số tiền chất thuốc nổ. Sau khi S khoan xong 07 lỗ khoan, H có nói lại với S tiền chất thuốc nổ và kíp nổ để ở khu vực bếp trong lán của Công ty khi nào sử dụng thì vào lấy.

Ngày 17/6/2022, S nói với H dùng máy xúc vận chuyển tiền chất thuốc nổ và các đồ dùng, dụng cụ đến vị trí các lỗ khoan; H đồng ý và cùng với S mang 03 bì tiền chất thuốc nổ từ trong lán lên máy xúc. Sau đó, H điều khiển

máy xúc đến vị trí các lỗ khoan; S vào lán lấy 14 kíp nổ nối dây điện và mang ra sau. Tiếp đó, S nói với H đi lấy dầu diezen để về chế tạo thành thuốc nổ; H dùng chậu nhỏ đi lấy khoảng 3 đến 4 lít dầu diezen từ máy xúc đưa cho S. S mở một bì tiền chất thuốc nổ, đổ nửa bì ra chậu nhựa và trộn đều với khoảng 2 lít dầu diezen để tạo thành thuốc nổ. Sau khi chế tạo thuốc nổ xong, S trực tiếp tra thuốc nổ, kíp nổ vào 02 lỗ khoan. Sau khi tra thuốc nổ xong, S nói H thực hiện việc lấp đất đá vào các lỗ vừa mới tra xong thuốc nổ; còn S tiếp tục chế tạo (trộn) nốt thuốc nổ từ số tiền chất còn lại. Khi S đang tiếp tục tra thuốc nổ, kíp nổ vào 01 lỗ khoan và H đang lấp đất đá để chuẩn bị kích nổ thì bị cơ quan điều tra phát hiện, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra Nguyễn Tiến D, Bùi Văn H và Lò Văn S đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình.

Về việc thu giữ và xử lý các đồ vật khác có liên quan :

Ngoài các vật chứng thu giữ trong việc chế tạo, sử dụng vật liệu nổ đã được đưa đi giám định, quá trình điều tra còn tạm giữ các đồ vật khác bao gồm :

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu: OPPO F11. Bên trong có 02 (hai) sim Viettel (điện thoại của bị can H).
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu: ITEL. Bên trong có 02 (hai) sim Viettel (điện thoại của bị can S).
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu: OPPO DESIGNED FOR RENO, màu xanh tím; tình trạng có nhiều vết nứt, vỡ ở cả mặt trước, mặt sau của máy và không khởi động được máy (điện thoại của bị can D).
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu: VERTU, màu trắng, tình trạng: có nhiều vết trầy xước ở mặt sau và hai bên hông máy, đồng thời không khởi động được máy (điện thoại của bị can D).
- 01 (một) máy xúc đã qua sử dụng nhãn hiệu HITACHI ZAXIS33; 01 (một) máy khoan bên trên có mô tơ, cần khoan và trụ khoan.

Quá trình điều tra xác định: Điện thoại thu giữ của các bị cáo nêu trên, máy xúc và máy khoan không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị can trong vụ án nên Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với khối lượng vật liệu nổ trong vụ án mà Bị cáo H và S khai nhận, ngày 17/6/2022 đã chế tạo 01 bì tiền chất thuốc nổ loại 40kg/1bì. Tuy nhiên, bị cáo S khai nhận quá trình sử dụng có làm rơi vãi một lượng tiền chất thuốc nổ không xác định được; mặt khác, quá trình cơ quan điều tra đã dùng cách thu lại hiệu quả nhất nhưng chỉ thu giữ được 09kg thuốc nổ Anfo từ trong các lỗ khoan; không xác định được lượng thuốc nổ còn lại trong các lỗ khoan do ở độ sâu 10

mét, lỗ khoan có đường kính nhỏ (10cm), thuốc nổ thấm thấu vào các mạch nhỏ của đất đá khi dùng máy nén hơi để thổi, đẩy thuốc nổ lên trên trong quá trình thu giữ. Do đó, chỉ đủ cơ sở để kết luận các bị cáo chế tạo, sử dụng trái phép 15kg thuốc nổ Anfo và 14 kíp điện.

Vật chứng trong vụ án sau khi đã giám định chờ để xử lý gồm:

- Số vật chứng Cơ quan điều tra đang gửi và bảo quản tại Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Minh Hương có địa chỉ tại phố Cao Sơn, phường An Hưng, thành phố T, tỉnh T (đơn vị có kho chứa, bảo quản vật liệu nổ theo quy định) chờ xử lý theo quy định gồm:

+ 06kg (S kilogam) thuốc nổ Anfo, trong đó đã trích mẫu giám định 0,05kg (không phẩy không năm kilogam), còn lại 5,95kg (năm phẩy chín năm kilogam) .

+ 10kg (mười kilogam) thuốc nổ Anfo có lẫn tạp chất (trong đó có 9kg (chín kilogam) thuốc nổ anfo), trong đó đã trích mẫu giám định 0,1kg (không phẩy một kilogam), còn lại 9,9kg (chín phẩy chín kilogam).

+ 08 (tám) cái kíp nổ điện và 02 cuộn dây điện

+ 06 (S) cái kíp nổ điện và 03 cuộn dây điện

+ 02 (hai) bì màu trắng bên trên có in chữ AMONIUM NITRATE, tổng trọng lượng sau giám định là 80,75kg. Tất cả đều được dán kín niêm phong.

- Số vật chứng đang được bảo quản tại Cơ quan An ninh điều tra chờ xử lý theo quy định gồm:

01 (một) bì xác rắn màu đen, bên trong có đựng: 01 (một) vỏ bao bì màu trắng bên trên có in dòng chữ AMONIUM NITRATE ghi trọng lượng 40,4kg cả bì; 01 (một) chậu nhựa màu xanh; 01 (một) chậu nhựa màu đỏ; 01 (một) ca nhựa màu đỏ.

Cáo trạng số 65/CT- VKS- P1 ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lò Văn S, Bùi Văn H, về tội: “Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo D, S, H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố .

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lò văn S, Bùi Văn H, phạm tội: “Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ”; Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 305; Điều 17; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 36 tháng tù cho H án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 36 tháng tù cho H án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 36 tháng tù cho H án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định pháp luật. Buộc các bị cáo pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được H sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Xuất phát từ việc khai thác đất đá tH tại bãi đá thuộc công ty cổ phần nhà máy gạch Á Mỹ thuộc địa chỉ khu phố 9, thị trấn Sao Vàng, huyện T tỉnh T. Nguyễn Tiến D đã mua và giao cho Bùi Văn H 03 bì tiền chất thuốc nổ (loại 40kg/1 bì) và 14 chiếc kíp nổ, sau đó chỉ đạo Bùi Văn H cùng Lò Văn S chế tạo thuốc nổ để khai thác đá vào ngày 17/6/2022.

Trong khi đang thực hiện việc chế tạo thuốc nổ chuẩn bị sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ.

Trong vụ án này, bị can Nguyễn Tiến D có vai trò chính do là người đã trực tiếp mua tiền chất thuốc nổ, kíp nổ; đồng thời chỉ đạo bị cáo Lò Văn S và bị cáo Bùi Văn H thực hiện việc chế tạo để sử dụng trái phép 15kg thuốc nổ Anfo và 14 kíp nổ điện. Bị cáo Lò Văn S đồng phạm với vai trò là người thực hành; bị cáo Bùi Văn H đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Các bị cáo đã có hành vi chế tạo trái phép vật liệu nổ để phá đất đá giải phóng mặt bằng thì bị tố công tác thuộc Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội(PC06) Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang cùng tang vật gồm: - 06 (S) kg thuốc nổ ANFO có lẫn tạp chất (trong đó có 09 (chín) kg thuốc nổ

ANFO, trong đó đã trích mẫu giám định 0,1kg (không phẩy một kilôgam), còn lại 9,9kg (chín phẩy chín ki lô gam).

- 08(tám) cái kíp nổ điện và 02 cuộn dây điện
- 06(S) cái kíp nổ điện và 03cuộn dây điện
- 02(hai) bì màu trắng bên trên có in chữ AMONIUM NITRATE, tổng trọng lượng sau giám định là 80,75kg.

Do đó hành vi của các bị cáo D, S, H đủ yếu tố cấu thành tội: “Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo D, S, H phạm tội: “ Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo điểm b khoản 2 điều 305 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 65/CT- VKS- P1 ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất của vụ án, về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về vật liệu nổ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó cần phải xử phạt nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên các bị cáo được H một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015.

Bị cáo D đã đến Cơ quan điều tra xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bản thân nên bị cáo được H thêm 01 tình tiết giảm nhẹ “ Người phạm tội đầu thú ”quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H có chú ruột là ông Bùi Văn N là Liệt sĩ và được Chủ tịch nước tặng tH Huân chương hạng 3. Hiện tại bị cáo là người duy nhất thờ cúng Liệt sĩ Nết nên bị cáo được H thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn S có Bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng tH nhiều Huân, Huy, Chương các loại nên bị cáo được H thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức còn hạn chế, các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội và địa phương nơi bị cáo cư trú đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nên

không cần thiết pH cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào điều 65 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật HĐXX cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D với mức phạt 12.000.000đ sung ngân sách nhà nước. Các bị cáo Lò Văn S, là người dân tộc thiểu số, là hộ cận nghèo, sống ở vùng có kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Và bị cáo Bùi Văn H không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng của vụ án là toàn bộ số thuốc nổ, kíp nổ và tiền chất thuốc nổ còn lại sau giám định HĐXX căn cứ vào điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu giao cho Ban chỉ huy quân sự tỉnh T xử lý theo thẩm quyền .

[8]. Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[10]. Về các tình tiết liên quan đến vụ án: Trong vụ án này có Trần Văn H có lời nói với D và S về cách chế tạo và sử dụng vật liệu nổ sẽ hiệu quả hơn, tuy nhiên quá trình điều tra không chứng minh được H có mua và chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ hay không (thời điểm H làm chỉ sử dụng bột nổ). Do đó không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn H là đúng quy định pháp luật.

Đối với Bùi Văn H, Trịnh Phương Ch: Khoảng giữa chiều ngày 15/6/2022, khi Hồ đang ngồi uống nước tại lán khu vực khai thác thuộc nhà máy gạch Á Mỹ có 01 xe bán tải đến(Hồ không biết người ngồi trong xe là ai). Sau đó, Hồ được Bùi Văn H nhờ giúp đưa 03 bì màu trắng trên xe bán tải vào lán cho đỡ ướt. Hồ có hỏi H bên trong bì là gì thì H nói đó là bao gạo. Ngày 16/6/2022, Chi được D lên sân bay T đón về nhà, trên đường về Chi thấy D đưa đến một số nơi nhưng do mệt nên Chi không để ý và không biết D đưa đến những đâu, làm những việc gì. Lời khai của Bùi Văn H, Trịnh Thị Phương Ch phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, do đó không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Bùi Văn Hồ, Trịnh Phương Chi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 điều 305; Điều 17; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố : Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lò Văn S, Bùi Văn H phạm tội: “ Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ”

- Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Tiến D 36 (Ba mươi S) tháng tù cho H án treo, thời gian thử thách là 60 (S mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho UBND xã Đông Kh, huyện Đ, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Lò Văn S 36 (Ba mươi S) tháng tù cho H án treo, thời gian thử thách là 60(S mươi)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho UBND xã L, huyện Th, tỉnh T, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Bùi Văn H 36 (Ba mươi S) tháng tù cho H án treo, thời gian thử thách là 60(S mươi)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho UBND xã D, huyện Tr, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được H án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được H án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho H án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó pH chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: Điều 35 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo D) Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Tiến D 12.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

- Xử lý vật chứng : Căn cứ điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS:

Tịch thu giao cho Ban chỉ huy quân sự tỉnh T xử lý theo thẩm quyền đối với toàn bộ số thuốc nổ, kíp nổ và tiền chất thuốc nổ còn lại sau giám định gồm: 06kg (S kilogam) thuốc nổ Anfo, trong đó đã trích mẫu giám định 0,05kg (không phẩy không năm kilogam), còn lại 5,95kg (năm phẩy chín năm kilogam) .

+ 10kg (mười kilogam) thuốc nổ Anfo có lẫn tạp chất (trong đó có 9kg(chín kilogam) thuốc nổ anfo), trong đó đã trích mẫu giám định 0,1kg (không phẩy một kilogam), còn lại 9,9kg (chín phẩy chín kilogam)

+ 08 (tám) cái kíp nổ điện và 02 cuộn dây điện

+ 06 (S) cái kíp nổ điện và 03 cuộn dây điện

+ 02 (hai) bì màu trắng bên trên có in chữ AMONIUM NITRATE, tổng trọng lượng sau giám định là 80,75kg. Tất cả đều được dán kín niêm phong.

- Số vật chứng đang được bảo quản tại Cơ quan An ninh điều tra chờ xử lý theo quy định gồm:

01 (một) bì xác rắn màu đen, bên trong có đựng: 01 (một) vỏ bao bì màu trắng bên trên có in dòng chữ AMONIUM NITRATE ghi trọng lượng 40,4kg cả

bì; 01 (một) chậu nhựa màu xanh; 01 (một) chậu nhựa màu đỏ; 01 (một) ca nhựa màu đỏ.

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lò Văn S, Bùi Văn H chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đ

+ 02 (hai) bì màu trắng bên trên có in chữ AMONIUM NITRATE, tổng trọng lượng sau giám định là 80,75kg. Tất cả đều được dán kín niêm phong.

- Số vật chứng đang được bảo quản tại Cơ quan An ninh điều tra chờ xử lý theo quy định gồm:

01 (một) bì xác rắn màu đen, bên trong có đựng: 01 (một) vỏ bao bì màu trắng bên trên có in dòng chữ AMONIUM NITRATE ghi trọng lượng 40,4kg cả bì; 01 (một) chậu nhựa màu xanh; 01 (một) chậu nhựa màu đỏ; 01 (một) ca nhựa màu đỏ.

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tiến D, Lò Văn S, Bùi Văn H chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Thiện

Nguyễn Văn Sâm

Cao Hồng Đức